

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/HNGĐ-ST

Ngày 17-02-2020

V/v ly hôn, con chung giữa

Chị H và anh L

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hòe.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Chinh;

Ông Nguyễn Hải Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 17 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 338/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Khánh H, sinh năm 1990; địa chỉ: Xóm B, xã G, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình;

Bị đơn: Anh Mai Thế L, sinh năm 1991; địa chỉ: Xóm 3, xã N, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Thị Ninh – Luật sư thuộc văn phòng Luật sư Minh Đức – Đoàn Luật sư tỉnh Nam Định.

(Chị H, anh L vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt; Luật sư Ninh có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 16-12-2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Bùi Thị Khánh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Khánh H và anh Mai Thế L đăng ký kết hôn ngày 04-02-2016 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, do công việc của anh L thường vắng nhà nên chị H ở nhờ nhà bố mẹ đẻ. Vợ chồng chung sống thuận đến

tháng 5/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do, chị H và anh L không còn tin tưởng nhau cả về tình cảm và kinh tế nên tình cảm ngày càng lạnh nhạt, cuộc sống chung không hạnh phúc. Chị H đã chủ động sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm với anh L từ tháng 5/2017 đến nay. Nay chị Hoà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh L.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Mai Phương Mỹ Anh, sinh ngày 07-5-2017, hiện đang ở cùng chị H. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng nuôi con và yêu cầu anh L cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ chung nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 31-12-2019, bị đơn anh Mai Thế L có lời khai phù hợp với lời khai của chị H về thời gian kết hôn, quá trình chung sống. Về nguyên nhân mâu thuẫn, anh L xác nhận là do vợ chồng chưa thực sự hiểu và thông cảm dẫn đến mất lòng tin ở nhau. Ngoài ra, từ khi kết hôn, mối quan hệ giữa chị H với gia đình bên chồng không được H hợp nên chị H luôn xa cách với chồng và gia đình nhà chồng, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Tháng 5/2017, vợ chồng xô sát nhưng đã được đôi bên gia đình kết hợp H giải; anh L và chị H chỉ chính thức ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm kể từ tháng 9/2019 đến nay. Nay chị H làm đơn xin ly hôn, anh L nhận thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh L công nhận vợ chồng có một con chung như chị H đã trình bày. Mặc dù luôn có nguyện vọng được nuôi con chung nhưng do cháu Mỹ Anh còn nhỏ nên anh L đồng ý giao chị H nuôi dưỡng. Anh L nhận cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị H 1.500.000đ/tháng, kể từ tháng 03/2020 đến khi con chung thành niên, có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Về tài sản: Theo anh L vợ chồng có một số tài sản chung nhưng anh L tự nguyện để lại cho con nên không kê khai và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị H, anh L đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của chị H đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu mà chị H đã trình bày tại bản tự khai để giải quyết cho chị Ly hôn và nuôi con chung. Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị H chấp nhận mức cấp dưỡng 1.500.000đ từ anh L kể từ tháng 3/2020 đến khi con chung thành niên, lao động tự lập được.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, chị H, anh L đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H, anh L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ vợ chồng giữa chị Bùi Thị Khánh H và anh Mai Thế L là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 04-02-2016. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến tháng 5-2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chưa thực sự hiểu và thông cảm cho nhau nên mất lòng tin từ kinh tế đến tình cảm. Ngoài ra, việc chị H thường ở nhờ nhà bố mẹ đẻ, ít khi về quê chồng nên không có mối quan hệ hài hòa với gia đình bên chồng. Vì vậy, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng nhưng lại không được đôi bên gia đình hỗ trợ, giải quyết kịp thời dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc. Chị H, anh L đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm từ tháng 9/2019 đến nay.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị Khánh H đối với anh Mai Thế L: Căn cứ lời khai của các đương sự trong quá trình tòa án giải quyết vụ án, đơn đề nghị có xác nhận của chính quyền địa phương có đủ cơ sở khẳng định việc chị H, anh L có xảy ra mâu thuẫn, hiện đã sống ly thân là sự việc có thật. Trong thời gian sống ly thân, bản thân chị H, anh L đều không có biện pháp, hành động thiết thực nhằm hàn gắn tình cảm nên vợ chồng ngày càng xa cách. Nay chị H, anh L đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án cho ly hôn. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H, anh L đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị H, anh L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung*: Chị H và anh L có một con chung là Mai Phương Mỹ Anh, sinh ngày 07-5-2017. Trong thời gian chị H và anh L ly thân, cháu Mỹ Anh do chị H nuôi dưỡng. Mặc dù chị H, anh L đều có nguyện vọng được nuôi con chung nhưng do cháu Mỹ Anh còn nhỏ nên anh L nhất trí giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: chị H chấp nhận mức cấp dưỡng mà anh L đưa ra là 1.500.000đ/tháng. Xét nguyện vọng của chị H, anh L trong việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con như trên phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế của các bên hiện nay, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần chấp nhận. Do đó, giao cháu Mai Phương Mỹ Anh cho chị H nuôi dưỡng; anh L có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị H 1.500.000đ/tháng, kể từ tháng 03/2020 cho đến khi con chung thành niên, có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình; anh L được quyền đi lại thăm con là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] *Về tài sản*: Quá trình giải quyết vụ án, chị H, anh L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Bùi Thị Khánh H phải nộp tiền án phí ly hôn, anh Mai Thế L phải nộp tiền án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Bùi Thị Khánh H và anh Mai Thế L.

2. Về con chung: Giao cháu Mai Phương Mỹ Anh, sinh ngày 07-5-2017 cho chị Bùi Thị Khánh H nuôi dưỡng. Anh Mai Thế L có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị H 1.500.000đ (một triệu, năm trăm nghìn đồng)/tháng, kể từ tháng 03/2020 cho đến khi con chung thành niên, có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Anh L được quyền thăm con chung, không ai được cản trở việc anh L thực hiện quyền thăm con nhưng không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Bùi Thị Khánh H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0001923 ngày 23-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu; chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Mai Thế L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ. Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Hòe